

Số: 236/QĐ-UBND

Phương Giao, ngày 16 tháng 8 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2020**  
**UBND xã Phương Giao.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN UBND XÃ PHƯƠNG GIAO**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân xã Phương Giao về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách Nhà nước UBND xã Phương Giao, huyện Võ Nhai năm 2020;*

*Xét đề nghị của bộ phận Tài Chính UBND xã Phương Giao,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2020 UBND xã Phương Giao.

*(Có biểu chi tiết kèm theo).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

**Điều 3.** Văn phòng HĐND, UBND xã, bộ phận tài chính kế toán xã các ban ngành, đoàn thể của thị trấn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3( để t/h);
- Đảng ủy, HĐND TT( để b/c)
- Chủ tịch, phó CT.UBND( để b/c);
- Lưu: Vp.



**CHỦ TỊCH**

**Hoàng Văn Thúc**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Phuong Giao ,ngày 16 tháng 8 năm 2021*

**BIÊN BẢN**  
**NIÊM YẾT CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2020**  
**XÃ PHƯƠNG GIAO**

Hôm nay, vào hồi 14 giờ .00 ngày 16/8/2021 tại Trụ sở UBND xã Phương Giao, chúng tôi gồm:

1. Ông: Đặng Văn Tuấn: Bí thư Đảng ủy – Chủ tịch HĐND xã
2. Ông: Hoàng Văn Thúc: Chủ tịch UBND xã
4. Ông: Đặng Văn Ký: PCT HĐND- CT UBNDTTQ xã
5. Bà: Hà Thị Kiều Trang: Kế toán NS xã
6. Bà Chu Thị Liễu: VP UBND-HĐND

Có sự chứng kiến của toàn bộ cán bộ công chức UBND xã Phương Giao.

Lập biên bản về việc niêm yết công khai quyết định quyết toán ngân sách Nhà nước năm 2020 xã Phương Giao.

Thời gian niêm yết từ ngày 16/8/2021 đến hết ngày 16/9/2021.

Biên bản được lập thành 3 bản. Kế toán ngân sách xã giữ 2 bản; văn phòng HĐND – UBND xã Phương Giao giữ 01 bản./.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Hoàng Văn Thúc**

**NGƯỜI CÓ TRÁCH NHIỆM**  
**NIÊM YẾT**

**Hà Thị Kiều Trang**

**ĐẠI DIỆN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**



**CHỦ TỊCH**  
**Đặng Văn Tuấn**



*Phương Giao, ngày 16 tháng 08 năm 2021*

**BÁO CÁO**  
**CÔNG KHAI SỐ LIỆU VÀ THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước;  
Căn cứ Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thực hiện;  
Căn cứ vào tình hình kinh tế xã hội và kết quả thu chi ngân sách năm 2020.  
UBND xã Phương Giao, Bộ phận tài chính xã báo cáo kết quả thực hiện các mặt hoạt động trong năm ngân sách như sau:

**I / Một số đặc điểm:**

Phương Giao là một xã đặc biệt khó khăn của huyện Võ Nhai, từ trung tâm xã đến trung tâm huyện khoảng 20 km, xã có 13 xóm, tổng diện tích tự nhiên là 5.770,65ha nằm ở phía Nam huyện Võ Nhai.

- + Phía Bắc: Giáp xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên;
- + Phía Đông: Giáp xã Tân Thành, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- + Phía Nam: Giáp xã Bình Long và Dân Tiến, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên;
- + Phía Tây: Giáp xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Năm 2020 toàn xã có 1.125 hộ với 4.825 nhân khẩu; gồm 04 dân tộc cùng sinh sống, trong đó dân tộc Kinh có dân số đông nhất. Trình độ dân trí còn thấp, đời sống kinh tế nhân dân các dân tộc trong xã còn gặp rất nhiều khó khăn, thu nhập bình quân đầu người còn thấp, đặc biệt là các xóm đồng bào dân tộc.

- Mục tiêu và nhiệm vụ kinh tế, tài chính trong năm ngân sách của xã:

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy - HĐND - UBND xã và sự quan tâm chỉ đạo của cơ quan chuyên môn cấp trên, trong năm ngân sách 2020 là năm của cuối thời kỳ ổn định ngân sách thực hiện chủ trương đổi mới phát triển Kinh tế - Xã hội. Chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Phương Giao đã phấn đấu đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội, từng bước xoá đói giảm nghèo, giáo dục, y tế được đầu tư phát



- + Kinh phí dự phòng ngân sách năm 2019: 13.212.000đ
- + Vượt thu ngân sách năm 2019: 50% giữ lại chi lương UBND xã: 11.566.253đ
- + Tiền cấp quyền sử dụng đất: 93.068.200đ
- + Tiền thu hút, phụ cấp lâu năm: 13.584.799đ

**1.5 Vượt thu ngân sách: 12.760.327 đồng.**

**2. Phần quyết toán chi:**

Tổng chi ngân sách kết quả thực hiện: 17.588.894.099đ đạt 99,4 % kế hoạch.

Bao gồm:

**2.1. Chi thường xuyên:**

- Kế hoạch giao đầu năm: 4.894.000.000đ *chi hoạt động trong năm, trong đó* chi sự nghiệp KT 23.000.000đ, Thuỷ lợi phí 30.000.000đ, đảm bảo xã hội 145.000.000đ

- Kế hoạch giao bao gồm cả bổ sung: 7.327.888.330đ so với dự toán đầu năm tăng gồm có bổ sung kinh phí thực hiện chính sách tinh giảm biên chế; Bổ sung kinh phí cải cách tiền lương và an sinh xã hội năm 2020; Bổ sung chi hỗ trợ phát triển sản xuất, duy tu bảo dưỡng thuộc chương trình 135; Bổ sung chi từ nguồn dự phòng NS xã chi phòng chống dịch tả viêm da nổi cục trên trâu bò,; Bổ sung kinh phí chi kết dư ngân sách; Chương trình 2085, tiền điện hộ nghèo;

- Thực hiện hết năm 2020: 7.088.829.470 đạt 95,76% kế hoạch.

\* Đánh giá chung: Việc thực hiện chi ngân sách năm 2020 đúng luật ngân sách Nhà nước, công tác chi thường xuyên phục vụ tích cực cho hoạt động của địa phương.

**2.2. Chi đầu tư xây dựng cơ bản**

**- Kế hoạch: 10.482.601.000đ:**

Trong đó:

- + Nguồn vốn ngân sách trung ương: 8.732.920.000 đ
- + Nguồn Vốn ngân sách tỉnh: 361.200.000đ
- + Nguồn vốn ngân sách huyện: 349.500.000đ
- + Nguồn vốn ngân sách xã và các nguồn vốn khác: 1.038.981.000đ

**- Thực hiện: 10.138.846.000đ đạt 96.72% Kế hoạch**

Trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách trung ương: 8.559.765.000đ đạt 98,02%
- Nguồn Vốn ngân sách tỉnh: 361.200.000đ đạt 100% Kh
- Nguồn vốn ngân sách huyện: 245.900.000đ đạt 70,36% Kh



<b>Tổng cộng</b>	<b>4.816.000.000</b>	<b>11.870.966.655</b>	<b>16.686.966.655</b>
------------------	----------------------	-----------------------	-----------------------

**7. Kết dư ngân sách năm 2020** là: 335.898.808. (Viết bằng chữ: *Ba trăm ba mươi lăm triệu tám trăm chín mươi tám nghìn tám trăm linh tám đồng./.*)

Trong đó:

- + kinh phí sửa chữa nâng cấp Đập thâm huu xóm Nà canh; 166.985.000đ
- + Kinh phí thủy lợi phí năm 2020: 13.130.000đ
- + Kinh phí làm nhà vệ sinh : 17.600.000đ
- + Kinh phí dự phòng 2020: 38.700.000đ
- + Kết dư ngân sách tiến cấp quyền sử dụng đất 2019: 93.705.000đ
- + 30 % Tăng thu ngân sách năm 2020 so với dự toán giao đầu năm 2020: 3.828.098đ.
- + Tiền cấp quyền sử dụng đất năm 2020: 4.700.710 đ
- + 50% tăng thu ngân sách so với thời kỳ đầu ổn định ngân sách 2020-2017: 7.500.000đ
- + Nguồn tiết Kiệm chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2020: 9.750.000đ

Trên đây là thuyết minh công khai quyết toán năm 2020 của UBND xã Phương Giao./.

**Nơi nhận :**

- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng Ủy-HDND xã ;
- Lưu: VP, KT.



**CHỦ TỊCH**

**Hoàng Văn Thúc**





## CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>17 944 792 907</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>17 279 514 470</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	<b>996 309 705</b>	I. Chi đầu tư phát triển	<b>10 138 846 000</b>
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ <sup>(1)</sup>	<b>94 739 042</b>	I. Chi thường xuyên	<b>7 088 829 470</b>
III. Thu bổ sung	<b>16 686 966 655</b>	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách	<b>309 379 629</b>
- Bổ sung cân đối	4319 000 000	xã sang năm sau (nếu có)	
- Bổ sung có mục tiêu	12367 966 655		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	<b>155 211 252</b>	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	<b>51 839 000</b>
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	11 566 253		
<b>Kết dư ngân sách</b>	<b>355 898 808</b>		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế: lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hương và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã





## QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN				SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX		
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2		
	<b>TỔNG THU</b>	<b>5 083 000 000</b>	<b>4 961 000 000</b>	<b>1 423 184 459</b>	<b>17 944 793 207</b>	28,00	361,72		
I	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>35 000 000</b>	<b>35 000 000</b>	<b>996 539 704</b>	<b>996 309 705</b>	2,847,26	2,846,60		
	Phí, lệ phí	30 000 000	30 000 000	36 850 000	36 850 000	122,83	122,83		
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác								
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định								
	Đóng góp của nhân dân theo quy định								
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			943 000 000	943 000 000				
	Thuế sử dụng đất phi NN								
	Thu hồi các khoản chi năm trước								
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình								
	Thu phạt, thu khác	5 000 000	5 000 000	16 689 704	16 459 705	333,79	329,19		
II	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>232 000 000</b>	<b>98 000 000</b>	<b>271 433 403</b>	<b>94 739 342</b>	117,00	96,67		
I	Các khoản thu phân chia	164 000 000	78 000 000	228 615 036	73 330 147	139,40	94,01		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	9 000 000	9 000 000	7 700 000	7 700 000	85,56	85,56		
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	5 000 000	2 000 000	16 682 853	8 341 727				
	Thu cấp quyền sử dụng đất	150 000 000	67 000 000	127 307 600	57 288 420	84,87	85,51		
	Thuế thu nhập cá nhân			76 454 583					
	Tiền thuế đất								
	Thuế tài nguyên								
	Thuế tài nguyên								
	Thu khác ngoài QĐ			470 000					
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	68 000 000	20 000 000	42 818 367	21 409 195	62,97	107,05		
	Thuế GTGT + TNDN	68 000 000	20 000 000	42 818 367	21 409 195	62,97	107,05		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)								
IV	Thu chuyển nguồn								
V	Tặng thu		12 000 000						
VI	Thu kết dư ngân sách năm trước			155 211 252	155 211 252				
VII	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4 816 000 000	4 816 000 000		16 686 966 655		346		
	- Thu bổ sung cân đối	4 319 000 000	4 319 000 000		4 319 000 000		100		
	- Thu bổ sung có mục tiêu	497 000 000	497 000 000		12 367 966 655		100		



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHƯƠNG GIAO

Biểu số 118/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng



STT	Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
		Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	Tổng số chi	17 855 489 330	10 482 601 000	7 372 888 330	17 588 894 099	10 138 846 000	7 450 048 099	98.51	96.72	101.05
A	Chi đầu tư phát triển	10 482 601 000	10 482 601 000		10 138 846 000	10 138 846 000		96.72	96.72	
	Chi XD CB	10 482 601 000	10 482 601 000		10 138 846 000	10 138 846 000		96.72	96.72	
	Chi đầu tư phát triển khác									
B	Chi thường xuyên	7 372 888 330		7 372 888 330	7 088 829 470		7 088 829 470	96.15		96.15
1	1. Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	819 655 600		819 655 600	814 238 000		814 238 000	99.34		99.34
	1.1. Chi dân quân tự vệ	539 255 600		539 255 600	533 838 400		533 838 400	99		99
	1.2. Chi trật tự an toàn xã hội	280 400 000		280 400 000	280 399 600		280 399 600	100		100
2	2. Chi giáo dục									
3	3. Chi ứng dụng, chuyên giao công nghệ									
4	4. Chi y tế									
5	5. Chi văn hóa, thông tin	20 000 000		20 000 000	19 000 000		19 000 000	95		95
6	6. Chi phân phối, truyền thanh									
7	7. Chi thể dục, thể thao	14 000 000		14 000 000	7 510 000		7 510 000	53.64		53.64
8	8. Chi bảo vệ môi trường									





9	9. Chi các hoạt động kinh tế	1 411 957 725	1 411 957 725	11 261 188 725	10 029 346 000	1 231 842 725	797,56	87,24
	9.1. Giao thông	150 000 000	150 000 000	10 179 346 000	10 029 346 000	150 000 000	6786,23	100
	9.2. Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	1 238 957 725	1 238 957 725	1 058 842 725		1 058 842 725	85,46	85,46
	9.3. Thị chính							
	9.4. Thương mại, du lịch	23 000 000	23 000 000					
	9.5. Các hoạt động kinh tế khác			23 000 000		23 000 000		
10	10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4 845 175 005	4 845 175 005	4 954 189 945	109 500 000	4 844 689 945	102,25	99,99
	Trong đó: Quỹ lương			3 071 588 679		3 071 588 679		
	10.1. Quản lý Nhà nước	2 999 550 705	2 999 550 705	3 108 565 645	109 500 000	2 999 065 645	103,63	99,98
	10.2. Đảng Công sản Việt Nam	872 725 000	872 725 000	872 725 000		872 725 000	100	100
	10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	347 817 400	347 817 400	347 817 400		347 817 400	100	100
	10.4. Đoàn Thanh niên Công sản HCM	166 949 700	166 949 700	166 949 700		166 949 700	100	100
	10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ	148 500 000	148 500 000	148 500 000		148 500 000	100	100
	10.6. Hội Cựu chiến binh	141 818 600	141 818 600	141 818 600		141 818 600	100	100
	10.7. Hội Nông dân	167 813 600	167 813 600	167 813 600		167 813 600	100	100



11	11.1. Hội Da cam	16 992 000	16 992 000	16 092 000	16 092 000	16 092 000	16 092 000	94.7	94.7
	11.2. Hội Chữ thập đỏ	24 678 200	24 678 200	24 678 200	24 678 200	24 678 200	24 678 200	100	100
	11.3. Hội Người cao tuổi	39 337 800	39 337 800	39 337 800	39 326 600	39 326 600	39 326 600	99.97	99.97
	11.4. Hội khuyến học	16 092 000	16 092 000	16 092 000	16 092 000	16 092 000	16 092 000	100	100
12	12 Chi hỗ trợ khác (nếu có)								
13	13. Chi cho công tác xã hội	78 000 000	78 000 000	78 000 000	75 360 000	75 360 000	75 360 000	96.62	96.62
	13.1. Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghi việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	78 000 000	78 000 000	78 000 000	75 360 000	75 360 000	75 360 000	96.62	96.62





**QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN<sup>(1)</sup> NĂM 2020**

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị tính: đồng



Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2020	Giá trị đã thanh toán năm 2020			
		Tổng số	Tr.đó: Nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
<b>Tổng số</b>		<b>8 183 812 659</b>		<b>10 106 015 787</b>	<b>15 305 355 000</b>	<b>1 920 419 000</b>	<b>10 138 846 000</b>	
<b>1. Công trình chuyển tiếp</b>		949 812 659		2 872 015 787	901 200 000	1 920 419 000	812 200 000	
Dường Làng Cù Nà Bả xã Phương Giao GD II	2019-2020	1 922 203 128		1 922 203 128	1 831 419 000	1 320 419 000	511 000 000	
Cầu tràn xóm Phương Đông xã Phương Giao	2019-2020	949 812 659		949 812 659	901 200 000	600 000 000	301 200 000	
<b>2. Công trình khởi công mới</b>		<b>7 234 000 000</b>		<b>7 234 000 000</b>	<b>14 404 155 000</b>		<b>9 326 646 000</b>	<b>3 894 000 000</b>
Dường bê tông xóm Nà Bả xã Phương Giao năm 2020	2020	1 629 000 000		1 629 000 000	1 629 000 000		384 000 000	1 245 000 000
Dường bê tông xóm Đông Dong xã Phương Giao năm 2020	2020	1 629 000 000		1 629 000 000	1 629 000 000		384 000 000	1 245 000 000



Dường bê tông xóm Là Khoan xã Phường Giao năm 2020	2020	1 086 000 000		1 086 000 000	1 086 000 000		256 000 000	830 000 000
Nhà văn hóa xóm Na Bà xã Phường Giao	2020	335 000 000		335 000 000	335 000 000		150 000 000	185 000 000
Nhà văn hóa xóm Minxã Phường Giao	2020	335 000 000		335 000 000	335 000 000		150 000 000	185 000 000
Cầu tràn xóm Xuất Tác xã Phường Giao	2020	841 000 000		841 000 000	731 000 000		731 000 000	110 000 000
Cầu tràn xóm Nà Canh xã Phường Giao	2020	1 379 000 000		1 379 000 000	1 379 000 000		1 285 000 000	94 000 000
Đường Nà Canh đi xóm Đồng Dong( khu vực Đồng Dong Dao) xã Phường Giao	2020	3 200 000 000		3 200 000 000	3 200 000 000		2 882 245 000	317 755 000
Sửa chữa nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt Mỏ Ngà xóm Đồng Dong của HTX dịch vụ nông lâm nghiệp và môi trường xã Phường Giao	2020	1 306 000 000		1 306 000 000	1 306 000 000		981 000 000	325 000 000
Đường nội đồng xóm Xuất Tác xã Phường Giao năm 2020	2020	679 735 000		679 735 000	679 735 000		28 981 000	650 754 000
Chi xi măng năm 2019	2 019	1 081 920 000		1 081 920 000	1 081 920 000		1 081 920 000	
Ghi thu ghi chi vốn nhân dân đóng góp cho công trình NTM giai đoạn 2010-2014		903 000 000		903 000 000	903 000 000		903 000 000	





Tỉnh Thái Nguyên  
Huyện Võ Nhai  
Xã Phương Giao

Biểu số 120/CK TC-NSNN

**THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2020**

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị:

Nội dung	Kế hoạch năm 2020			Thực hiện năm 2020		
	Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)	Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)
<b>Tổng số</b>						
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	47 818 000	28 900 000	17 708 000	67 328 000	31 074 000	36 254 000
Quỹ Chăm sóc NCT	71 000		71 000	71 000		71 000
Quỹ Vì người Nghèo	8 341 000	4 400 000	3 941 000	17 441 000	4 400 000	13 041 000
Quỹ Đền ơn đáp Nghĩa	28 696 000	22 000 000	6 696 000	36 001 000	22 000 000	14 001 000
Quỹ Bảo trợ trẻ em	10 710 000	2 500 000	7 000 000	10 710 000	2 500 000	8 210 000
Quỹ Phòng Chống thiên tai				3 105 000	2 174 000	931 000
2. Các hoạt động sự nghiệp						
+ Chợ						
+ Bến bãi						
+						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi

Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi